| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày:26-4-2018
*V/v tranh chấp "Ly hôn,"* Giữa H T H C và L V T

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Hoàng .

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Hưởng

2. Bà Nguyễn Anh Thư

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2018, về việc tranh chấp*" Ly hôn, nuôi con chung "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị H T H C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N Th, huyện T T, tỉnh Long An .

*Bị đơn* : Anh L V T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Ấp 2, xã L B, huyện B L, tỉnh Long An .

(Chị C có mặt, anh T vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị H T H C trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:*

Chị H T H C, anh L V T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung sống bên gia đình của anh T, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên chị C bỏ nhà đi từ năm 2008 cho đến nay, nay chị C không thể tiếp tục chung sống với anh L V T và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị C, anh T chung sống có 01 con chung tên L T N N sinh ngày : 22/4/2005. Hiện tại anh T đang trực tiếp tiếp nuôi dưỡng cháu N. Sau khi ly hôn, Về con chung chị C đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con, chị C không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị C cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn anh L V T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị H T H C khởi kiện ly hôn với anh L V T. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "*Ly hôn. nuôi con chung ",* thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bị đơn anh L V T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Chị H T H C , anh L V T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 51/2005, quyển số 01/2014 ngày 10/8/2005, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh L V T. Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống được 2 năm , sinh được 01 con chung. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và tính tình không hợp nhau,từ đó dẫn đến cải vả nhau hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết năm 2007 chị C bỏ nhà đi về cha mẹ ở cho đến nay, xét thấy thời gian chị C và anh T đã ly thân thời gian quá dài hơn 10 năm, tình cảm vợ chồng không còn. Chị C quyết định nộp đơn khởi và tại phiên tòa vẫn kiên quyết ly hôn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ hai lần anh T không đến tham dự phiên tòa , anh T không thể hiện ý chí

muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng . Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H T H C.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị H T H C không yêu cầu nuôi con và đồng ý để cháu L T N N , sinh ngày: 22/4/2005 cho anh T tiếp tục nuôi con và không đồng ý cấp dưỡng nuội con , tại bản tự khai ngày 20/3/2018 của cháu L T N N có nguyện vọng sống với anh T ,do đó có căn cứ để anh L V T được tiếp tục nuôi con chung L T N N.

[5] Về cấp dưỡng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không ý kiến trong vụ kiện xin ly hôn, do đó chi C không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[6] Tài sản chung; Nợ chung: Chị C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H T H C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên*;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81,Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H T H C với anh L V T.

1. Về hôn nhân: Cho chị H T H C được ly hôn với anh L V T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung L T N N, sinh ngày: 22/4/2005 cho anh L V T trực tiếp nuôi dưỡng chị H T H C không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng

con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị H T H C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06128 ngày 19/01/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận**:
-VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự
-UBND xã L B
- Lưu HS, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hoàng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Văn Cao

Nguyễn Thị Hưởng

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng